

Số: 1368 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư khai thác khoáng sản (đất sét gạch) tại khu vực Dộc Trung, Bến Trại, thôn Vườn, xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 784/TTr-STNMT ngày 06/12/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư khai thác khoáng sản (đất sét gạch) tại khu vực Dộc Trung, Bến Trại, thôn Vườn, xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đan Hội (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại khu vực Dộc Trung, Bến Trại, thôn Vườn, xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định<sup>1</sup>: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ

<sup>1</sup> Thành lập theo Quyết định số 749/QĐ-TNMT ngày 07/8/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Lục Nam, UBND xã Đan Hội, Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đan Hội và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
  - + Công thông tin điện tử tỉnh;
  - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
  - + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
CỦA DỰ ÁN “ĐẦU TƯ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (ĐẤT SÉT GẠCH)  
TẠI KHU VỰC ĐỘC TRUNG, BẾN TRẠI, THÔN VƯỜN, XÃ ĐAN HỘI,  
HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG”**

*(Kèm theo Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 11 /12/2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Đầu tư khai thác khoáng sản (đất sét gạch) tại khu vực Độc Trung, Bến Trại, thôn Vườn, xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Địa điểm thực hiện: Khu vực Độc Trung, Bến Trại, thôn Vườn, xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đan Hội.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

\* Phạm vi: Dự án được thực hiện tại khu vực Độc Trung, Bến Trại, thôn Vườn, xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

\* Quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích khu vực khai thác: 9,5 ha.

- Trữ khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: đất sét gạch cấp 122 là 580.559 m<sup>3</sup>.

+ Công suất khai thác: 96.760 m<sup>3</sup>/năm.

+ Mức sâu kết thúc khai thác: Cốt -5m

+ Tuổi thọ mỏ: 06 năm (không bao gồm thời gian cải tạo, phục hồi môi trường).

+ Thời gian cải tạo, phục hồi môi trường: 06 tháng (sau khi kết thúc khai thác).

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

\* Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Nhà văn phòng (thuê nhà container, diện tích khoảng 15m<sup>2</sup>), bãi rửa xe, mốc lộ giới, Camera giám sát, trạm cân và thiết bị lưu trữ dữ liệu, nhà vệ sinh di động, bờ bao ngăn nước, rãnh thoát nước,...

\* Hoạt động của dự án đầu tư: Giải phóng mặt bằng, phát quang bề mặt; vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị, máy móc phục vụ dự án; tạo diện khai thác đầu tiên; lắp dựng nhà văn phòng; lắp dựng kho chứa chất thải nguy hại; xây dựng hệ thống rãnh thoát nước mưa, bờ bao ngăn nước, đường giao thông, tạo bãi rửa xe, cắm mốc lộ giới; hoạt động khai thác và vận chuyển đất,...

**1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường là yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên (8,6 ha) thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh theo điểm đ, khoản 4 điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

### **2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Việc chiếm dụng đất: Diện tích khu vực khai thác 9,5 ha trong đó phần lớn là đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước (đất trồng lúa 02 vụ - LUC): 86.165m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của 33 hộ dân thôn Vườn, xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; đất giao thông, đất thủy lợi (mương nội đồng): 8.835m<sup>2</sup>,

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: Phát quang thảm thực vật, vận chuyển cây cối phát quang.

- Hoạt động thi công đào đắp, san gạt; bóc đất bề mặt và vận chuyển đất sét gạch đến nơi tiêu thụ,...

+ Bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

- Bụi phát sinh từ hoạt động đào, đắp, san gạt;

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất bóc bề mặt và đất sét gạch đến nơi tiêu thụ; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển cây cối phát quang; từ hoạt động của máy móc thi công.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công; nước thải từ quá trình rửa bánh xe và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật; đất hữu cơ phát sinh từ hoạt động bóc đất phủ bề mặt; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

+ Các rủi ro, sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố sạt lở đất,...

### **2.2. Giai đoạn vận hành**

Hoạt động khai thác, vận chuyển đất và hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tác động tới môi trường:

- Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển và máy xúc.

+ Bụi phát sinh từ quá trình đào, xúc đất sét tại khu vực dự án; bụi phát sinh từ mặt đường do các phương tiện vận chuyển trên đường.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân; nước mưa chảy tràn qua khai trường; nước thải từ quá trình xịt rửa bánh xe.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên; đất sét rơi vãi trong quá trình vận chuyển; chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa những hỏng hóc nhỏ trên khai trường.

- Rủi ro, sự cố như: Sự cố thành móng khai thác; sự cố do mưa bão kéo dài, ngập úng; sự cố do nguy cơ sạt lở, sụt lún tầng khai thác; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố vỡ bờ bao và ngập khai trường,...

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các**

## **giai đoạn của dự án đầu tư**

### **3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

#### 3.1.1. Nước thải, khí thải

##### \* Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công xây dựng khoảng 0,135 m<sup>3</sup>/ngày, thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni,...

+ Nước thải phát sinh từ quá trình xịt, rửa bánh xe khoảng 1,2m<sup>3</sup>/ngày thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng (SS), BOD<sub>5</sub>, COD,...

+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công sẽ cuốn theo đất, cát,...vào nguồn tiếp nhận. Thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

##### \* Bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ hoạt động đào, đắp, san gạt.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất bóc bề mặt và đất sét gạch đến nơi tiêu thụ; từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển cây cối phát quang; từ hoạt động của máy móc thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>,...

#### 3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại

##### \* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 0,9 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình phát quang thực vật khoảng 64,5 tấn. Thành phần chủ yếu là thân cây, cành, rễ, lá cây,...

- Đất hữu cơ phát sinh từ hoạt động bóc đất phủ bề mặt: 27.629,4 m<sup>3</sup>.

##### \* Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng như giẻ lau dính dầu mỡ, dầu và nhiên liệu diesel thải: Phát sinh khoảng 26 kg/3 tháng xây dựng cơ bản mỏ.

#### 3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị, tham gia thi công, xây dựng; từ các phương tiện vận chuyển.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

#### 3.1.4. Các tác động khác

- Tác động tới kinh tế - xã hội, tác động đến hệ sinh thái; đến cảnh quan, địa hình,...

- Tác động do các rủi ro, sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố sạt lở đất,...

### **3.2. Giai đoạn vận hành**

#### **3.2.1. Nước thải, khí thải**

**\* Nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 0,135 m<sup>3</sup>/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, dầu mỡ động thực vật,...

- Nước thải phát sinh từ quá trình xịt rửa bánh xe khoảng 1,2 m<sup>3</sup>/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS.

- Nước mưa chảy tràn qua khai trường dự án cuốn theo đất, đá vào nguồn tiếp nhận. Thông số ô nhiễm đặc trưng: COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS),...

**\* Bụi, khí thải:**

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển và máy xúc. Thông số ô nhiễm đặc trưng CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, bụi,...

- Bụi phát sinh từ quá trình đào, xúc đất sét tại khu vực dự án; bụi phát sinh từ mặt đường do các phương tiện vận chuyển trên đường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

#### **3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**

**\* Chất thải rắn thông thường:**

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 0,9 kg/ngày.

Ngoài ra còn có lượng đất sét rơi vãi trong quá trình vận chuyển phát sinh khoảng 10kg/ngày.

\* Chất thải nguy hại phát sinh như: giẻ lau dính dầu mỡ; dầu nhiên liệu và dầu diesel thải,... khoảng 104kg/năm.

#### **3.2.3. Tiếng ồn, độ rung**

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển; từ máy xúc.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

#### **3.2.4. Các tác động khác**

- Tác động tới kinh tế - xã hội; tác động đến cảnh quan, địa hình, địa mạo; tác động đến hệ sinh thái trong khu vực; tác động đến giao thông khu vực,...

- Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố thành moong khai thác; sự cố do mưa bão kéo dài, ngập úng; sự cố do nguy cơ sạt lở, sụt lún tầng khai thác; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố vỡ bờ bao và ngập khai trường,...

## **4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

### **4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

#### **4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải**

##### **4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải**

\* Nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại dự án: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại dự án để phục vụ nhu cầu vệ sinh của công nhân có dung tích bể chứa chất thải  $1\text{m}^3$ . Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải nhà vệ sinh di động mang đi xử lý theo quy định (tần suất 1 tuần/lần hoặc khi bể chứa đầy).

\* Nước mưa chảy tràn

- Thoát nước chung của mỏ: Thực hiện đắp bờ bao với tổng chiều dài 223m, chiều rộng 1m, chiều cao 1m ngăn nước bằng đất phủ đá bóc nhằm ngăn nước xung quanh chảy vào khai trường khai thác. Đối với thoát nước mỏ, do địa hình moong sau khi kết thúc khai thác ở mức cốt -5m thấp hơn địa hình xung quanh nên để đảm bảo cho hoạt động khai thác bình thường Chủ dự án sử dụng máy bơm nước đầu nổ D15 Cao Phong chạy bằng diesel công suất  $250\text{m}^3/\text{giờ}$  để đảm bảo thoát nước toàn bộ khu mỏ. Số lượng bơm phục vụ dự kiến là 03 bơm trong đó 01 bơm dự phòng. Nước mưa và nước ngầm tại moong khai thác sẽ được bơm ra Ngòi Lịch Sơn cách dự án khoảng 50m.

- Khu vực bãi chứa đất phủ: Thiết kế hệ thống thoát nước cho bãi chứa chạy dọc chiều dài bãi chứa, phần đất tiếp giáp với diện tích khai thác với các thông số như sau: Tạo rãnh đất chiều rộng 1m, chiều sâu 1m, chiều dài khoảng 180m, hố lắng kích thước  $1,5\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1,5\text{m}$ , cứ 20m bố trí 01 hố lắng. Nước mưa tại các hố lắng được bơm ra ngoài khai trường bằng máy bơm nước đầu nổ D15 Cao Phong chạy bằng diesel công suất  $250\text{m}^3/\text{giờ}$ .

\* Nước thải phát sinh từ quá trình xịt, rửa bánh xe: Bố trí khu vực xịt rửa bánh xe của các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công với diện tích khoảng  $30\text{m}^2$ , nền láng xi măng, xung quanh tạo rãnh thu gom nước thải từ quá trình rửa xịt rửa bánh xe. Nước thải từ quá trình xịt rửa bánh xe được thu gom bằng rãnh thoát nước xây bằng gạch, chiều dài 3m, chiều rộng 0,3m, chiều sâu 0,3 m để dẫn nước thải về hố lắng kích thước  $1,5\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1,5\text{m}$  để lắng cặn. Nước sau lắng cặn được tuần hoàn tái sử dụng để xịt rửa xe hoặc tận dụng để đập bụi.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thực hiện phun nước làm ẩm tại khu vực thi công giảm lượng bụi phát sinh. Thời điểm phun nước vào những ngày khô hanh, nắng nóng số lần tưới khoảng 2- 4 lần/ngày. Tiêu chuẩn nước tưới đường  $0,5\text{ lít}/\text{m}^2$  (theo tiêu chuẩn Việt Nam TCXD33-2006).

- Máy móc tham gia thi công xây dựng đảm bảo yếu tố đạt tiêu chuẩn khí thải. Không sử dụng các máy móc quá cũ.

- Không chở nguyên vật liệu quá đầy, quá tải và có bạt che phủ khi vận chuyển.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân thi công trên công trường như quần áo, mũ, khẩu trang, giày, găng tay,...

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

thông thường

\* Chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 01 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 60 lít tại dự án để thu gom chất thải sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

\* Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phát quang thực vật: Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau. Phần không tận dụng được chủ dự án thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

\* Đất hữu cơ phát sinh từ hoạt động bóc đất phủ bề mặt: Được chứa trong bãi chứa đất phủ tại khai trường để sử dụng cho mục đích đắp bờ bao ngăn nước và cải tạo phục hồi môi trường.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 02 thùng phi có nắp đậy có dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại, mỗi thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại đặt tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 4m<sup>2</sup> (kho có tường bao bằng tôn, có mái che, nền bê tông cao hơn nền hiện trạng, có biển cảnh báo chất thải nguy hại). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định cùng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

\* Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội; hệ sinh thái; cảnh quan địa hình,...

- Khai báo tạm trú cho công nhân từ nơi khác đến với chính quyền địa phương.

- Chủ dự án sẽ kết hợp với chính quyền địa phương thực hiện đảm bảo an ninh chính trị và an toàn xã hội trong khu vực.

- Quản lý cán bộ công nhân không để các tệ nạn xã hội xảy ra ảnh hưởng đến uy tín của Công ty cũng như ảnh hưởng đến nhân dân.

- Thi công đúng kế hoạch, vị trí, diện tích đã được quy hoạch, thiết kế.

- Áp dụng các biện pháp thi công xây dựng phù hợp với nền địa chất khu vực Dự án.

- Bố trí cán bộ giám sát thi công, thường xuyên theo dõi, kiểm tra tiến độ và thực tế thi công có tuân thủ bản vẽ, thiết kế cơ sở đã được phê duyệt. Kịp thời thông báo với Chủ dự án và đề xuất biện pháp điều chỉnh phù hợp với tình hình



triển khai thực tế nếu trong quá trình thi công phát sinh sự cố.

- Ưu tiên xây dựng hệ thống rãnh thu nước và hệ thống hồ lắng tại Dự án để thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn, phân vùng thoát nước và giảm tốc độ của dòng chảy trên mặt.

- Bố trí quy hoạch mặt bằng thi công hợp lý, đảm bảo khoảng cách vận chuyển nguyên vật liệu là ngắn nhất nhằm giảm ô nhiễm môi trường.

- \* Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tất cả công nhân tham gia trên công trường xây dựng đều phải được đào tạo các quy định về an toàn lao động trước khi thi công trên công trường.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết để hạn chế tới mức thấp nhất các tác hại đối với cán bộ, công nhân. Các trang thiết bị bảo hộ lao động gồm quần áo, mũ, khẩu trang, ủng nhựa, nút tai chống ồn....

- Cắm biển báo hiệu tốc độ cho xe ra vào công trường

- Lắp đèn, biển báo, chỉ dẫn và cảnh báo tại các điểm giao giữa các tuyến đường giao thông và các vị trí cần thiết thông báo tình trạng khu vực dự án cho người tham gia giao thông và công nhân lao động.

- Không tiến hành thi công vào ngày mưa hạn chế sạt lở xảy ra.

- Trong trường hợp xảy ra sạt lở: dừng hoạt động thi công và khai thác, khắc phục sự cố, không bỏ trí máy móc, thiết bị tại vùng nguy hiểm. Chỉ tiến hành hoạt động trở lại khi khu vực được xác định là an toàn.

- Đắp bờ bao ngăn nước bằng đất phủ với chiều rộng 1m, chiều cao 1m xung quanh khu vực khai thác vừa có tác dụng ngăn nước vào khai trường vừa có tác dụng làm bờ chắn ngăn cách với xung quanh.

- Lắp biển cảnh báo nguy hiểm kích thước 30 \* 50cm, có hiển thị độ sâu, có phản quang xung quanh khai trường, trong đó 01 biển cảnh báo được lắp đặt sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng cơ bản (mở vỉa) tại mốc lộ giới số 07 của dự án.

## **4.2. Giai đoạn vận hành**

### 4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

#### 4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- \* Nước thải sinh hoạt:

- Bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại khu vực dự án phục vụ nhu cầu vệ sinh của công nhân có dung tích bể chứa chất thải 1m<sup>3</sup>. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải nhà vệ sinh di động mang đi xử lý theo quy định (tần suất 1 tuần/lần hoặc khi bể chứa đầy).

- \* Nước mưa chảy tràn:

- Thoát nước chung của mỏ:

- + Thực hiện đắp bờ bao ngăn nước có tổng chiều dài 1.509 m, chiều rộng 1m, chiều cao 1m bằng đất phủ đã bóc nhằm ngăn nước xung quanh chảy vào khai trường khai thác (Chiều dài bờ bao đến giai đoạn khai thác năm 1: 594 m; Chiều dài bờ bao đến giai đoạn khai khác năm 2: 797 m; Chiều dài bờ bao đến

giai đoạn khai khác năm 3: 901 m; Chiều dài bờ bao đến giai đoạn khai khác năm 4: 1033 m; Chiều dài bờ bao đến giai đoạn khai khác năm 5: 1134 m; Chiều dài bờ bao đến giai đoạn khai khác năm 6: 1509 m).

Do địa hình moong sau khi kết thúc khai thác ở mức cốt -5m thấp hơn địa hình xung quanh nên để đảm bảo cho hoạt động khai thác bình thường Chủ dự án sử dụng máy bơm nước đầu nổ D15 Cao Phong chạy bằng diesel công suất 250m<sup>3</sup>/giờ để đảm bảo thoát nước toàn bộ khu mỏ. Số lượng bơm phục vụ dự kiến là 03 bơm trong đó 01 bơm dự phòng. Nước mưa và nước ngầm tại moong khai thác sẽ được bơm ra Ngòi Lịch Sơn cách dự án khoảng 50m.

- Khu vực bãi chứa đất phủ: Thiết kế hệ thống thoát nước cho bãi chứa chạy dọc chiều dài bãi chứa, phần đất tiếp giáp với diện tích khai thác với các thông số như sau: Tạo rãnh đất chiều rộng 1m, chiều sâu 1m, chiều dài khoảng 180m, hố lắng kích thước 1,5m x 1,5m x 1,5m, cứ 20m bố trí 01 hố lắng. Nước mưa tại các hố lắng được bơm ra ngoài khai trường bằng máy bơm nước đầu nổ D15 Cao Phong chạy bằng diesel công suất 250m<sup>3</sup>/giờ.

\* Nước thải phát sinh từ quá trình xịt rửa bánh xe: Bố trí khu vực xịt rửa bánh xe của các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công với diện tích khoảng 30m<sup>2</sup>, nền láng xi măng, xung quanh tạo rãnh thu gom nước thải từ quá trình rửa xịt rửa bánh xe. Nước thải từ quá trình xịt rửa bánh xe được thu gom bằng rãnh thoát nước xây bằng gạch, chiều dài 3m, chiều rộng 0,3m, chiều sâu 0,3 m để dẫn nước thải về hố lắng kích thước 1,5m x 1,5m x 1,5m để lắng cặn. Nước sau lắng cặn được tuần hoàn tái sử dụng để xịt rửa xe hoặc tận dụng để đập bụi. Định kỳ 01 tuần/lần thực hiện nạo vét rãnh thoát nước, hố lắng.

#### 4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trang bị xe ô tô có bồn chứa nước dung tích 5m<sup>3</sup>. Tiêu chuẩn nước tưới đường 0,5 lít/m<sup>2</sup>.

+ Công tác tưới nước được thực hiện trên khai trường (tuyến đường nội bộ mỏ, mặt bằng khai thác), trong ngày (trừ những ngày mưa) nhằm giảm lượng bụi phát tán trong không khí, thời gian tưới và mật độ tưới tùy thuộc vào thời tiết, vào những ngày khô hanh, nắng nóng số lần tưới khoảng từ 2 đến 4 lần/ngày.

+ Thực hiện phun tưới ẩm trên đường vận chuyển bắt đầu từ mỏ hết tuyến cấp phối vận chuyển đến điểm đầu nối với đường trục xã nhằm giảm thiểu bụi và tùy theo ngày mưa, nắng gió bố trí phun tưới nước cho phù hợp không để bụi gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, tần suất 2 – 3 lần/ngày (không tưới nước những ngày mưa).

- Xe chở đúng tải trọng, không chạt nguyên liệu vượt thành xe chở quá tải, xe chạy theo tốc độ và vận tốc đúng quy định.

- Chủ dự án trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: Khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động khi làm việc.

- Các phương tiện vận chuyển có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển đều được kiểm tra

định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm.

- Thường xuyên kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật.

- Thu dọn đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển nhằm giảm thiểu bụi, tạo cảnh quan, giao thông trên tuyến đường vận chuyển

- Duy tu, bảo dưỡng những đoạn đường chưa đạt yêu cầu cho vận tải nặng thường xuyên đi qua, không đổ đất bừa bãi.

- Chủ dự án sử dụng xe có tải trọng từ 15 tấn trở xuống để vận chuyển đất sét gạch. Trường hợp xảy ra hư hỏng tuyến đường vận chuyển được xác định nguyên nhân do quá trình vận chuyển đất, Chủ dự án bố trí kinh phí, phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương đề kịp thời khắc phục, sửa chữa.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

\* Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 01 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có dung tích 60 lít tại dự án để thu gom chất thải sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

\* Đối với đất sét rơi vãi trong quá trình vận chuyển:

- Yêu cầu lái xe vận chuyển đất thực hiện thu gom trong trường hợp đất sét rơi vãi trong quá trình vận chuyển, đất sau khi được thu gom sẽ được sử dụng làm vật liệu sản xuất gạch.

- Không đổ đất sét quá đầy vượt quá chiều cao của thành xe.

- Bắt buộc các xe vận chuyển đất sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, chằng buộc bạt chặt chẽ.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí 02 thùng phi có nắp đậy có dung tích 120 lít/thùng để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại, mỗi thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại đặt tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 4m<sup>2</sup> (kho có tường bao bằng tôn, có mái che, nền bê tông cao hơn nền hiện trạng, có biển cảnh báo chất thải nguy hại). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 01 năm/lần).

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng các máy móc cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Máy móc thiết bị phục vụ khai thác đều phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc những khu vực có tiếng ồn cao.

#### 4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

##### 4.2.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

###### a. Phương án được lựa chọn thực hiện

###### \* Củng cố bờ moong

Sau khi kết thúc khai thác bờ moong xung quang khu mỏ hầu như đã được hoàn thiện đảm bảo ổn định sườn tầng, do vậy để đảm bảo cho việc ổn định tránh sạt lở chủ dự án tiến hành củng cố lại bờ moong bằng cách đắp bù vào khu vực có nguy cơ sạt lở, gia cố chắc chắn mà không cần tiến hành kè bờ. Do địa hình kết thúc khai thác là dạng hố mỏ và hiện trạng sử dụng đất khu vực là đất trồng lúa hiệu quả kinh tế thấp nên tại bờ moong sẽ tiến hành trồng cây xen dày để tạo độ giữ đất và phủ đất màu khu vực bờ moong đồng thời gia cố bờ moong, lắp đặt hàng rào và biển báo nguy hiểm. Theo khảo sát thực tế thì khu vực quanh mỏ khai thác dự án có đất tương đối ổn định, không có hiện tượng sạt lở quy mô lớn do quá trình tự nhiên. Tuy nhiên để đảm bảo an toàn chủ đầu tư sẽ thực hiện trồng cây quanh khu vực khai thác bao quanh mỏ. Giải pháp trồng cây không những có thể giữ đất phòng ngừa sạt lở mà bên cạnh đó còn tạo ra rào chắn bảo vệ và cảnh quan cho khu vực dự án.

Thực hiện trồng cây xanh (cây keo lai) mật độ xem dày gấp 02 lần trên toàn bộ diện tích bờ moong khai thác. Tổng chiều dài bờ moong 1.509m, chiều rộng 2,5m. Diện tích trồng cây bờ moong khai thác là  $1.509 \text{ m} * 2,5 \text{ m} = 3.772,5 \text{ m}^2$  (khoảng 0,38 ha). Thực hiện đào hố và trồng cây với mật độ 3.320 cây/ha.

###### \* Xây dựng công thoát nước

Để thuận lợi cho việc lưu thông nước trong mỏ không bị ứng đọng, tiến hành lắp dựng 02 công thoát nước bằng đá hộp kích thước: dài x rộng x sâu: 3m x 1m x 1m để lưu thông nước với bên ngoài. Tổng khối lượng 6 m<sup>3</sup>.

###### \* Lắp đặt hàng rào lưới thép B40 và lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm

- Lắp đặt hàng rào lưới thép B40 xung quanh diện tích khai trường khai thác ngăn ngừa sự cô rơi, ngã xuống khai trường.

- Lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm bằng tấm sắt, có kích thước 30 cm × 50 cm, trên biển ghi độ sâu moong khai thác, vị trí biển báo chắc chắn nhờ trụ đỡ sắt ống Ø60. Chủ dự án tiến hành lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm cụ thể như sau: Khi kết thúc khai thác năm thứ 1 sẽ lắp đặt 03 biển báo; sau khi kết thúc năm thứ 3 sẽ lắp đặt thêm 04 biển báo; sau khi kết thúc khai thác năm thứ 5 sẽ lắp đặt thêm 02 biển báo; sau khi kết thúc khai thác năm thứ 6 sẽ lắp đặt thêm 05 biển báo.

###### b. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

| STT  | Nội dung công việc   | ĐVT            | Khối lượng                        | Biện pháp thi công | Ghi chú |
|--|--|----------------|-----------------------------------|--------------------|---------|
| <b>I. Xây dựng công thoát nước</b>                     |  |                |                                   |                    |         |
| 1  | Khối lượng đào, xây đá hộp công thoát nước                   | m <sup>3</sup> | 6                                 | Thủ công - máy     | -       |
| <b>II. Lắp đặt hàng rào và biển cảnh báo</b>           |  |                |                                   |                    |         |
| 1  | Lưới B40, khổ 1,5m, D3mm                                     | m <sup>2</sup> | 2264                              | Thủ công           |         |
| 2  | Đổ bê tông dựng cọc căng lưới thép                           | m <sup>3</sup> | 45,36                             | Thủ công           |         |
| 3  | Đào 756 hố dựng cọc bê tông                                  | m <sup>3</sup> | 60,48                             | Thủ công           |         |
| 4  | Đổ bê tông móng cột 756 hố                                   | m <sup>3</sup> | 60,48                             | Thủ công - máy     |         |
| 5  | Lắp dựng cọc bê tông   | Cọc            | 756                               | Thủ công - máy     | -       |
| 6  | Lắp đặt biển cảnh báo  | Chiếc          | 14                                | Thủ công           | -       |
| <b>III. Củng cố bờ moong</b>                           |  |                |                                   |                    |         |
| 1  | Diện tích trồng cây trên bờ moong khu vực kết thúc khai thác | ha             | 0,38                              | Thủ công           |         |
| 2  | Đào hố trồng cây   | hố             | 1.262                             | Thủ công           |         |
| 3  | Bổ sung đất màu  | m <sup>3</sup> | 34,06                             | Thủ công           |         |
| <b>IV. Tháo dỡ công trình phụ trợ</b>                  |  |                |                                   |                    |         |
| 1  | Tháo dỡ cọc bê tông tại các vị trí mốc lộ giới               | Cọc            | 12                                | Thủ công – máy     |         |
| 2  | Tháo dỡ Camera   | Chiếc          | 01                                | Thủ công           |         |
| 3  | Phá dỡ khu vực xịt rửa bánh xe                               | m <sup>2</sup> | 30                                | Thủ công - máy     |         |
| 4  | Tháo dỡ nhà vệ sinh di động                                  | Chiếc          | 01                                | Thủ công – máy     |         |
| 5  | Tháo dỡ nhà container  | m <sup>2</sup> | 15                                | Thủ công – máy     |         |
| 6  | Tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại                          | m <sup>2</sup> | 4                                 | Thủ công           |         |
| 7  | Tháo dỡ thùng chất thải rắn sinh hoạt                        | Chiếc          | 01                                | Thủ công           |         |
| <b>V. Cải tạo đường giao thông đi vào mỏ</b>           |  |                |                                   |                    |         |
| 1  | San gạt tuyến đường  | m <sup>3</sup> | 450                               | Thủ công - máy     |         |
| <b>IV. Bảo dưỡng duy tu các công trình sau cải tạo</b> |  |                |                                   |                    |         |
| 1  | Duy tu các công trình sau cải tạo                            | Hệ thống       | Toàn bộ khu vực cải tạo, phục hồi | Thủ công - máy     | -       |

### c. Kế hoạch thực hiện

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các công việc cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác như sau:

- Tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại; tháo dỡ nhà container; tháo dỡ Camera giám sát; tháo dỡ trạm cân; tháo dỡ mốc lộ giới (12 chiếc); phá dỡ khu vực xịt rửa bánh xe; cải tạo tuyến đường giao thông đi vào khu mỏ; Lắp đặt hàng rào và biển cảnh báo; xây dựng cống thoát nước, tháo dỡ thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt. Hoàn thành trong thời gian 6 tháng, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

- Trồng và chăm sóc cây trên bờ moong: Thực hiện trong thời gian 03 năm, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

### d. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là: **533.054.181 đồng**. (*Bằng chữ: Năm trăm ba mươi ba triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi một đồng*).

Do dự án có thời gian khai thác 06 năm (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản), do đó Chủ dự án thực hiện ký quỹ nhiều lần (06 lần), trong đó:

- Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 25% tổng số tiền ký quỹ:  $533.054.181 \times 25\% = 133.263.545$  (đồng).

- Số tiền ký quỹ từ lần thứ 2 trở đi:  $(533.054.181 - 133.263.545)/(6-1) = 79.958.127$  (đồng).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang.

#### 4.2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Công nghệ khai thác đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác: Khai thác theo lớp bằng vận tải trực tiếp từ trên xuống dưới. Quá trình khai thác sẽ tạo ra các tầng và mặt tầng bảo vệ theo quy định nhằm chống sạt lở đất xung quanh, đảm bảo an toàn trong khai thác. Ngoài ra, trong quá trình khai thác, chủ dự án sử dụng đất thải để gia cố sườn tầng, bờ bao, ngăn chặn sạt lở khi khai thác xuống sâu.

- Những khu vực tiếp giáp có nguy cơ sạt lở, sụt lún cần củng cố ổn định.

- Trong quá trình khai thác chủ dự án nghiêm túc thực hiện theo đúng thiết kế, phù hợp thuận tiện cho việc tiêu thoát nước hạn chế ứng động làm giảm sự liên kết của đất.

- Vào những ngày mưa bão, chủ dự án sẽ chủ động tạm dừng hoạt động, yêu cầu tất cả cán bộ công nhân rời khỏi khu vực Dự án trong trường hợp mưa bão, không ở lại khu vực Dự án để tránh các tác động của thiên tai cho đến khi mưa bão đi qua mới hoạt động trở lại.

- Trong khai thác không được để tầng cao quá quy định, góc dốc sườn tầng lớn hơn góc dốc cho phép tạo sụt lở bờ tầng gây tai nạn lao động.

- Khi phát hiện sụt lún cần phải tạm dừng khai thác và tiến hành khắc phục ngay không để ảnh hưởng đến tính mạng của công nhân.

- Có rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng sạt lở, sụt lún tầng khai thác, bờ moong.

- Trong quá trình khai thác Công ty nghiêm chỉnh chấp hành những quy trình, quy phạm hiện hành của nhà nước như: Quy phạm kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên.

- Tất cả công nhân tham gia trên công trường đều được phổ biến về các quy định an toàn lao động. Các công nhân trực tiếp thi công vận hành máy móc được đào tạo thực hành.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân như mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang, kính mắt,... và có những quy định về sử dụng.

- Tu sửa cải tạo kịp thời những đoạn đường bị hư hỏng có xe vận tải của dự án đi qua.

- Chủ dự án cam kết sử dụng xe có trọng tải từ 15 tấn trở xuống để vận chuyển đất sét đi tiêu thụ.

- Bố trí 03 máy bơm để bơm nước ra ngoài, đảm bảo thoát nước tại dự án.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông, nạo vét toàn bộ rãnh thoát nước, hố lắng tại khu vực khai trường trước, trong và sau những trận mưa hoặc trước khi vào mùa mưa (Tần suất 01 lần/ngày). Hàng ngày kiểm tra, gia cố chắc chắn thành hố lắng để hạn chế sạt lở. Trong trường hợp sạt lở thành hố lắng tiến hành huy động phương tiện, máy xúc, cuốc xẻng... tiến hành gia cố ngay. Cắm biển báo “Khu vực nguy hiểm” tại hố lắng để cảnh báo.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư**

### **5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

#### *5.1.1. Không khí làm việc*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực xây dựng cơ bản mỏ

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong quá trình xây dựng cơ bản.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT.

#### *5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### **5.2. Giai đoạn vận hành**

#### *5.2.1. Không khí làm việc*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực khai thác.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN03:2019/BYT, QCVN02:2019/BYT, QCVN 24:2016/BTYT, QCVN 26:2016/BTYT.

### *5.2.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư 02/2022/TTBTNMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

## **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật hiện hành khác trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 784/TTr-TNMT ngày 06/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.